

## MỘT VÀI SUY NGHĨ BƯỚC ĐẦU VỀ CÁCH GỌI "QUỐC ÂM", "QUỐC NGỮ" (Qua tư liệu thư tịch Hán - Nôm)

PHẠM VĂN KHOÁI  
Đại học KH Xã hội & Nhân văn

1. Khi tiếp xúc với thư tịch Hán - Nôm [1], chúng tôi thấy có một hiện tượng đáng ý: ở nhiều trường hợp, tên các sách Hán - Nôm có những thuật ngữ \* mà qua đó, ở những độ nhất định, người đọc có thể xác định chúng được viết bằng ngôn ngữ nào, bằng Hán ngữ hay bằng Nôm. Có thể nêu ra ở đây các thuật ngữ hay các cụm từ đó như: *diễn âm, diễn nghĩa, giải âm, giải nghĩa*..., nhưng chiếm con số đông đảo hơn cả là *quốc âm, quốc ngữ*. Chúng đóng vai trò là yếu tố xác định ngôn ngữ. Cách đặt tên sách như trên, đương nhiên là phẩm của song ngữ Hán - Việt, song không chỉ có thế, nó còn gợi cho chúng ta những suy nghĩ về sự nhận thức vai trò của tiếng mẹ đẻ trong tiến trình lịch sử xây dựng và bảo vệ đất nước, là biểu hiện cho ý thức xây dựng ngôn ngữ dân tộc. Bài viết này, chúng tôi bước đầu nêu lên một vài suy nghĩ có liên quan đến cách gọi "*quốc âm*", "*quốc ngữ*" trong lịch sử nền văn minh và học Việt Nam.

2. Như chúng ta đã thấy thuật ngữ "*quốc âm*", "*quốc ngữ*" được sử dụng rộng rãi ở nhiều nước vùng Đông Á như Trung Quốc, Nhật Bản... mà nội hàm của chúng nhằm chỉ "ngôn ngữ dân tộc", "ngôn ngữ pháp định Nhà nước", "ngôn ngữ chuẩn", "ngôn ngữ chính thức". Cách dùng thuật ngữ *quốc ngữ* (national language) với ý nghĩa như trên, (nhất là ở Trung Quốc) mới xuất hiện từ thời cận đại. Nhưng điều ấy không có nghĩa là ở các nước vùng Đông Á - mà trước hết là Trung Quốc trong một khoảng thời gian dài từ thời cổ đến thời cận đại không có nhu cầu xây dựng ngôn ngữ thống nhất. Cái ngôn ngữ thống nhất ở Trung Quốc cổ (chẳng hạn như ở thời Khổng Tử) là *nhã ngôn* (tiên thân của *văn ngôn* sau này). [Từ *nhã ngôn* Thi, Thư, chấp lễ giai *nhã ngôn* dã - "Cái mà Khổng Tử gọi là *nhã ngôn* là ngôn ngữ của Kinh Thi, Kinh Thư. Khi chấp hành điển lễ cũng đều dùng *nhã ngôn*" *Luận ngữ* *đạt nhi*].

Nhà vua Ung Chính triều Thanh cũng cố gắng xây dựng một ngôn ngữ chuẩn thống nhất làm công cụ giao tiếp chính thức trong đế chế mà ông cai quản - gọi là *quan thoại* ("ngôn ngữ của các ông quan", "ngôn ngữ trong giới quan trường")...

Ở Trung Quốc thời cổ và trung thế kỷ có nhu cầu và có những toan tính xây dựng ngôn ngữ thống nhất. Ngôn ngữ này được gọi bằng những tên gọi khác nhau nhưng ít khi gặp đến thuật ngữ "*quốc âm*", "*quốc ngữ*". (Tất nhiên, ngay từ những thế kỷ V TCN, ở Trung Quốc đã xuất hiện tên gọi *Quốc ngữ* nhưng đó là tên một bộ sử (không rõ tác giả, theo truyền do Tả Khâu Minh soạn) ghi lại lịch sử thời Chu và Xuân Thu. Ở "*Tùy thư kinh chí* có tên bộ *Quốc ngữ vật danh*").

Đến thời cận đại, trong tiến trình xây dựng nhà nước và dân tộc Trung Hoa hiện ngôn ngữ được nhận thức như là một trong những đặc trưng cơ bản của dân tộc. Các nhà sáng tư tưởng dân tộc Trung Hoa như Lương Khải Siêu, Tôn Trung Sơn... đã hình dung dân tộc Trung Hoa là một cộng đồng thống nhất của những công dân có văn hóa, cùng chủng tộc, *nói chung một ngôn ngữ*, có chung phong tục tập quán. *Họ đã đặc biệt chú ý vấn đề xây dựng ngôn ngữ dân tộc thống nhất quốc ngữ*. Thuật ngữ "quốc ngữ" lần đầu xuất hiện trong các văn kiện chính thức vào năm 1906 trong chương trình đại hội sinh Thượng Hải, nhằm chỉ ngôn ngữ dân tộc thống nhất của dân tộc Trung Hoa. Có một số nghiên cứu cho rằng thuật ngữ này vay mượn từ thuật ngữ KOKUGO của Nhật Bản vốn dịch căn cứ từ thuật ngữ *national languages* của các ngôn ngữ Âu châu [2] với nghĩa là "ngôn ngữ dân tộc của người Trung Quốc" và là "ngôn ngữ nhà nước Trung Quốc". Tiếp theo một chiến lược xây dựng quốc ngữ đã được vạch ra và triển khai trên thực tế. Chính ngôn ngữ dân tộc ở Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XX đã diễn ra theo tinh thần xây dựng chủ nghĩa dân tộc cố kết... Sau này ở Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, ngôn ngữ thống nhất "quốc ngữ" - còn mang những tên khác nhau như *đại-chúng ngữ*, *phổ thông thoại* như cách gọi *quốc âm*, *quốc ngữ* vẫn được dùng ở Đài Loan [3].

Như vậy, thuật ngữ "quốc âm" "quốc ngữ" mới được dùng ở Trung Quốc chỉ ngôn ngữ dân tộc, ngôn ngữ nhà nước ở thời cận-hiện đại. Có thể hình dung đó là bước đi cần thiết bắt buộc về mặt ngôn ngữ để đi vào thế giới hiện đại như ở Phương Tây, mà các ngôn ngữ dân tộc đã được xây dựng và thay thế tiếng La Tinh. Ở Trung Quốc ngôn ngữ dân tộc "quốc ngữ" thay thế cho văn ngôn.

3. Có một điều khá thú vị, ở Việt Nam cách gọi *quốc âm*, *quốc ngữ* xuất hiện sớm trong các bộ sử của các triều đại phong kiến như *Đại Việt sử ký toàn thư*... [4]. Thuở thì những ghi chép đầu tiên về tên gọi *quốc âm*, *quốc ngữ* gắn liền với các hoạt động tác bằng ngôn ngữ dân tộc (Nôm) của Hàn Thuyên, Nguyễn Sĩ Cố, như sự kiện Nguyễn Thuyên dùng *quốc âm* làm văn tế cá sấu vào năm Nhâm Ngọ, niên hiệu Thiệu Bảo (12 Tiếc rằng những sáng tác *quốc âm* của Hàn Thuyên, Nguyễn Sĩ Cố không còn lưu truyền giờ, song tên gọi *quốc âm*, *quốc ngữ* từ đó thường xuyên xuất hiện, nó chỉ "ngôn ngữ, tiếng nói của những người trong nước", "tiếng ta" trong quan hệ với tiếng Hán đương thời. Có lẽ từ thế kỷ XIII, nhận thức về *quốc âm*, *quốc ngữ* với nội dung trên đây đã xuất hiện. Đến các thế kỷ tiếp sau, nội hàm của chúng càng trở nên phong phú và xác định nhờ sự tăng của tiếng Việt cả về cấu trúc lẫn các chức năng và sự phong phú dần của các thể loại. Sau ba lần chiến thắng quân Nguyên, ý thức kiến tạo một nhà nước độc lập được củng cố và trọng trào lưu đó, nhu cầu sử dụng tiếng mẹ đẻ - *quốc ngữ* trở nên cần thiết và cấp bách và cũng trong không khí đó, cách gọi *quốc ngữ* ra đời.

4. Nghiên cứu một số tên sách Hán - Nôm ra đời vào khoảng thế kỷ XIV - XV, chỉ tôi thấy có hai hiện tượng đáng chú ý. Một là, Chu Văn An - nhà văn hóa lớn cuối đời Trần *Quốc ngữ thi tập* nhưng lại thất truyền. Nhiều nhà nghiên cứu nghi ngờ rằng dù gọi là *Quốc ngữ thi tập* nhưng chưa chắc nó đã được sáng tác bằng chữ Nôm. [5]

Hai là, bộ hợp tuyển lớn do Phan Phu Tiên sưu tầm chỉnh lý hoàn thành vào năm 1433 tên là *Việt âm thi tập*. Bài tựa do ông viết cho bộ sưu tập này mang tên *Tân san Việt âm thi tập tự* (Để tựa tập thơ Việt âm mới sau định) có đoạn "Phan Phu Tiên tôi... (tập hợp) từ những tác phẩm hay của người nước Nam và của người phương Bắc có quan hệ với nước

g với những câu quê mùa cục mịch, được tât cả bấy nhiêu bài, lấy tên là *Việt âm thi tập*. Phan Phu Tiên viết bài tựa này vào ngày lành tháng Tám, năm Quý Sửu (1433), niên hiệu Vạn Thiên. Nhưng bộ Hợp tuyển này chưa kịp khắc in thì ông đã ra trấn ở tỉnh ngoài. Hai mươi ba năm sau (1446), Lê Thái Tông ra chỉ dụ giao cho Chu Xa làm tiếp, việc này hoàn thành vào năm 1459, có Lý Tử Tấn phê điểm, dâng lên vua xin khắc in. Bản của Chu Xa vẫn dùng chữ Việt âm làm yếu tố xác định cho tên sách của mình (*Tân tuyển Việt âm thi tập*). Bài tựa của Lý Tử Tấn soạn vào ngày lành tháng Năm niên hiệu Diên Ninh năm thứ sáu (1495). [6 tr.15]

Nếu như, với trường hợp *Quốc ngữ thi tập* của Chu Văn An làm cho có nhà nghiên cứu nghĩ rằng đó có lẽ là tập thơ chữ Hán, nhưng tiếc rằng nó lại thất truyền nên không có gì chứng để khảo, còn tập *Việt âm thi tập* và *Tân tuyển Việt âm thi tập* - một bộ sưu tầm đầu tiên trong lịch sử ngữ văn học truyền thống, sưu tập "tất cả tác phẩm hay... có quan hệ đến nước nhà cùng những câu quê mùa cục mịch", và toàn là những tác phẩm viết bằng chữ Hán nhưng vẫn được gọi bằng một cái tên rất triu mến và thân thương "*Việt âm*", "tiếng nói Việt", "âm thanh của người Việt"... cho phép chúng ta nghĩ đến sự nhận thức khái niệm về tiếng Việt của những thế kỷ sớm trong quá trình nhận thức về ngôn ngữ dân tộc. Như chúng ta thấy, sự tự nhận thức về truyền thống và văn hóa Việt Nam đặc biệt bùng lên sau cuộc kháng chiến chống quân Minh. Phong trào sưu tập di sản của các đời trước thật là rầm rộ đã đem lại cho chúng ta những điều đó. Do sự quý mến và trân trọng với các văn bản này mà các bậc thức giả như Phan Phu Tiên, Chu Xa, Lý Tử Tấn không ngần ngại gọi chúng là Việt âm. Đương nhiên những gọi này có cơ sở ngôn ngữ học của nó, có lẽ, tuy được sáng tác bằng chữ Hán và theo quy tắc cú pháp tiếng Hán nhưng âm đọc là âm Hán - Việt - một hệ thống ngữ âm mà "từ đầu thế kỷ XI trở đi... mới tách hẳn ra thành một lối đọc độc lập với cách đọc ở Trung nguyên... từ cách là một hệ thống đọc riêng biệt của người Việt" [7]. Có thể nêu lên nhiều điểm khác biệt giữa tiếng Hán - Việt với tiếng Hán thế kỷ VIII - IX cũng như tiếng Hán các giai đoạn sau đó. Chẳng hạn, hệ thống phụ âm tiếng Hán thế kỷ VIII - IX gồm 40 phụ âm, có nhiều phụ âm khác với truyền thống tiếng Việt, nhưng ở cách đọc Hán - Việt chỉ có 21 phụ âm. Hệ thống vần cũng có nhiều sự khác biệt. Đặc biệt là thanh điệu. Hệ thống thanh điệu Hán - Việt có đến tám thanh còn ở tiếng Hán chỉ có 4 thanh...[7] để biện giải cho cách đặt tên trên của Phan Phu Tiên và Chu Xa cùng Lý Tử Tấn.

Như vậy, nội dung của tên gọi "*quốc âm*", "*quốc ngữ*" lúc đầu bao hàm cả hai nghĩa (tiếng ta và cả cách đọc Hán - Việt những văn bản chữ Hán của người Việt Nam), hay nói cách khác là chưa có nội dung hoàn toàn xác định cho thuật ngữ này. Một mặt, nó chỉ "tiếng của người Việt trong nước", và cũng chỉ cái ngôn ngữ văn học tiếng Việt thừa bình minh của mình ghi bằng chữ Nôm. Mặt khác, trong những chừng mực nào đó cũng chỉ cả âm Hán - Việt để đọc những văn bản Hán văn của người Việt.

5. Tên gọi "*Việt âm*" chỉ xuất hiện một hai lần trong một số tuyển tập thơ ra đời vào đầu thế kỷ XV. Ở các bộ tuyển tập sau đó chúng ta không còn thấy cách đặt tên như vậy nữa. Cơ hồ đó là các bộ sưu tập thơ chữ Hán và không thấy yếu tố xác định âm đọc trong tên gọi của chúng. Có thể kể ra một loạt tên các bộ tuyển tập này để rõ tình hình trên: *Hợp tuyển chư gia luật thi* (Dương Đức Nhan soạn cuối thế kỷ XV); *Trích điểm thi tập* (Đặng Đức Lương soạn cuối thế kỷ XV); *Toàn Việt thi lục* (Lê Quý Đôn soạn cuối thế kỷ XVI); *Hoàng Việt thi tuyển* (Bùi Huy Bích soạn cuối thế kỷ XVIII)...



Dần dần "*quốc âm*", "*quốc ngữ*" trở thành yếu tố ngôn ngữ chuyên biệt thường xuất hiện trong tên các bộ sách viết bằng chữ Nôm. Trong số đó hơn 5.000 đầu sách Nôm của bộ *Thư mục để yếu* có đến hơn 1.000 đầu sách Nôm. Tên các sách nôm này thường có yếu tố xác định ngôn ngữ của mình như *giải âm*, *giải nghĩa* như *Tân biên truyền kỳ m lục tạng bố giải âm tập chú* (A - 176 /1-4) *Thi kinh diễn âm* (AB - 169); *Thi kinh diễn ngữ* (VNV107); *Thi kinh giải âm* (AB - 144/1-5/). Có hơn 100 trường hợp yếu tố xác định ngôn ngữ là "*quốc âm*", "*quốc ngữ*" chẳng hạn như *Thảo tặc văn đáp quốc âm luận* (AB. 61) *Chu dịch quốc âm ca* (AB.29). Ấy là chúng tôi chưa kể đến các tập thơ nôm của Nguyễn Trãi và Nguyễn Bỉnh Khiêm đều có tên là *Quốc âm thi tập*... Tuy tên các sách Nôm này còn chịu ảnh hưởng của cú pháp tiếng Hán, nhưng do có yếu tố xác định ngôn ngữ nêu trên, làm cho người đọc dễ cảm và dễ nhận ra, đó là những văn bản viết bằng ngôn ngữ dân tộc. Cách đi đó trở thành nét phổ biến trong tên các sách nôm, nhất là các sách nôm xuất hiện từ thế kỷ XVII - XVIII.

Như vậy, chúng ta thấy có sự tiến hóa trong cách gọi *quốc âm*, *quốc ngữ* ở Việt Nam thời trung thế kỷ. Dù yếu tố xác định ngôn ngữ có thể khác nhau nhưng qua đó chúng ta thấy thể *ngữ đến sự nhận thức về ngôn ngữ dân tộc trong quá khứ*. Chỉ có thể cắt nghĩa được hiện tượng này nếu nhìn nhận chúng trong một bối cảnh xã hội - lịch sử rộng lớn của quá trình dựng nước và giữ nước. Khát vọng xây dựng một nước Đại Việt ngang hàng với Trung Quốc luôn thường trực trong nhận thức cũng như trong hành động của mọi thế hệ người Việt Nam mà Nguyễn Trãi đã phát biểu trong *Bình Ngô đại cáo*:

*Như nước Đại Việt ta từ trước  
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu  
Cõi bờ sông núi đã riêng  
Phong tục Bắc Nam cũng khác*

Cách nói "*Phong tục Bắc Nam cũng khác*" của nhà văn hóa lớn Nguyễn Trãi không chỉ là cách nói truyền thống mà trong đó bao gồm cả sự nhận thức, phân biệt về ngôn ngữ. Và ở đây, không chỉ dừng lại ở nhận thức mà còn thể hiện ở chỗ cần phải tiến hành một cuộc xây dựng to lớn, nhằm làm phong phú tiếng Việt cả về mặt cấu trúc lẫn về chức năng. Trong bối cảnh lịch sử - xã hội của những thế kỷ trung đại, việc gọi tên ngôn ngữ của dân tộc mình, của cộng đồng mình bằng các thuật ngữ *quốc âm*, *quốc ngữ* - chứng tỏ các nhà trí thức và các nhà văn hóa Việt Nam và cả các nhà hoạt động nhà nước Việt Nam [lưu ý rằng soạn *Tân tuyển Việt âm thi tập* của Chu Xa là do một chỉ dụ của vua Lê Thái Tông] đã nhận thức được rằng *ngôn ngữ, văn hóa là một trong những nhân tố của sự cố kết dân tộc*. Do hoàn cảnh lịch sử chống thiên tai, nhất là do nền nông nghiệp canh tác lúa nước, nhu cầu đắp đê phòng lụt, luôn đòi hỏi sức lực của nhiều người và bên cạnh đó, lại phải thường xuyên chống ngoại xâm cho nên cần có sự liên hiệp, cố kết dân tộc, cộng đồng. *Bởi vậy tư tưởng dân tộc đã hình thành sớm. Ta có thể nhìn thấy bóng dáng của tư tưởng này trong tên gọi quốc âm, quốc ngữ.*

7. Cũng cần nói đến vai trò vô cùng quan trọng của yếu tố cách đọc Hán Việt trong việc phát triển của tiếng Việt nói chung và trong nhận thức về *quốc ngữ* nói riêng ở Việt Nam thời trung thế kỷ. Trước hết, nó là nhân tố ngôn ngữ quan trọng để thúc đẩy quá trình tách biệt

t ra khỏi Việt Mường [8], nó là nguồn cung cấp vốn từ cho tiếng Việt... Nó trở thành một tố quan trọng trong phức thể văn hóa Việt Nam thời trung thế kỷ. Sự gắn bó của nó với sống văn hóa Việt Nam, hữu cơ và bền chặt đến mức có lúc nó được gọi là *Quốc ngữ, t âm*, chính điều này đã nói lên tất cả. Vai trò của nó đặc biệt nổi trội trong những thế kỷ tiền của tiến trình xây dựng một ngôn ngữ dân tộc trong nhà nước Đại Việt độc lập. Song, cũng như, nó chỉ là một trong những nhân tố nền tảng, là một trong những hạt giống ban đầu cho công cuộc xây dựng ngôn ngữ văn học dân tộc. Quy luật của phong trào cổ kết dân tộc và xây dựng đất nước ở những thế kỷ trung đại đòi hỏi phải xây dựng một ngôn ngữ dân tộc tương ứng với những đòi hỏi của cuộc sống... Bởi vậy nhiều chức năng mà nhân tố Hán Việt gánh vác lúc đầu (thế kỷ X - XV) thì tiếng Việt dần dần đảm nhận ở các thế kỷ sau.

8. Các nhà nghiên cứu chữ Nôm cũng chỉ ra rằng "trong các tác phẩm Nôm Thời Lê chủ yếu vẫn là mượn thẳng chữ Hán để ghi tiếng Việt" [9]. Chữ Nôm ở giai đoạn này chỉ thiên về ghi âm mà không chú trọng nhiều về mặt nghĩa. Xu hướng này có thể làm chữ Nôm khó đọc, nhưng mặt nào đó biểu thị những người ghi tiếng Việt giai đoạn này chỉ thiên về âm của tiếng Việt mà thôi.

9. Như vậy, việc xuất hiện và sử dụng các thuật ngữ *quốc âm, quốc ngữ* ở các thế kỷ trung đại chứng tỏ sự nhận thức về tiếng mẹ đẻ, là sự biểu hiện của ý thức "Chu chi đỉnh, Phật khí dã; Việt chí đỉnh, Phật khí dã" [10]. của một nhà Nho Việt Nam thế kỷ XIV. Tiếng Việt hay nói theo thuật ngữ truyền thống - "*quốc âm*", "*quốc ngữ*" trong buổi đầu đã được *in thức*, được tiếp nhận và nuôi dưỡng trong một bầu không khí của tư tưởng liên kết cộng đồng. Nó không chỉ còn là những lời nói nôm na hàng ngày nơi thôn cùng xóm vắng mà trở thành nhân tố thành văn, quan trọng của đời sống văn hóa dân tộc. Nó lại được ghi lại bằng chữ Nôm, và trở thành ngôn ngữ văn học viết song tồn với văn ngôn. *Quốc ngữ* - ngôn ngữ dân tộc thời trung thế kỷ không chỉ được cố định ở dạng viết bằng chữ nôm mà còn được ghi bằng chữ cái La Tinh (thế kỷ XVII), do các nhà truyền giáo Âu châu xây dựng trong sự phối hợp với các tín đồ Thiên chúa giáo Việt Nam [11]. Thoạt đầu, các nhà truyền giáo dùng các chữ La Tinh để ghi âm địa danh, các sản phẩm và một số nghi thức văn hóa địa phương... dùng để giảng đạo. Những tài liệu đầu tiên của tiếng Việt ghi bằng chữ La tinh ra đời vào khoảng những năm 1620 - 1648. Người cố đạo Phương tây có công lớn hơn cả trong việc cải thiện chữ cái cho tiếng Việt giai đoạn đầu là cha cố Alexandre de Rhodes (1593 - 1660). Cũng cần phải nêu tên một số người Việt Nam có công tiếp tục hoàn thiện và tuyên truyền sử dụng nó như Bento Thiện (? - ?) Phili Phê Bình (1759 - 1826). Trong *Sách số sang và các việc* của Phili Phê Bình [12] chúng ta không còn gặp những phụ âm kép, hệ thống ghi âm thị các nguyên âm đã giống với chữ Việt Nam hiện đại. Chữ viết đó được gọi là *Chữ quốc ngữ*. Hai hệ thống chữ viết này được xây dựng cho một ngôn ngữ dân tộc thống nhất - *quốc ngữ - quốc âm*, song hành tồn tại nhưng lại chia nhau vùng ảnh hưởng và hiển nhiên, chúng có một cuộc cạnh tranh. Vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, hệ thống văn tự chữ cái trở thành phương tiện thuận lợi và hữu hiệu cho sự phát triển văn hóa, khoa học. Nó đã thay thế chữ Nôm trong việc cố định tiếng Việt - quốc âm - quốc ngữ ở dạng

Tên gọi của văn tự chữ cái La Tinh cho tiếng Việt là *chữ quốc ngữ* (chữ ghi tiếng Việt trong nước) đã hàm chứa trong mình cái yếu tố căn bản đã được nhận thức ngay từ buổi đầu tiên của quá trình xây dựng nhà nước tự chủ - *quốc ngữ* - "ngôn ngữ dân

tộc", "tiếng của người trong nước", đồng thời, lúc đó *quốc ngữ* cũng chỉ tiếng mẹ đẻ được bằng chữ nôm. Dường như ở thuật ngữ này - "chữ quốc ngữ" có sự kết hợp của các nhà truyền thống và đổi mới, của các nhân tố châu Á và châu Âu, là trường hợp vừa tiêu biểu điển hình cho những nước chịu ảnh hưởng của văn hóa Khổng giáo, có ngôn ngữ đơn lập chuyển từ văn tự khối vuông sang văn tự chữ cái trong một tiến trình chung của công tác xây dựng dân tộc và ngôn ngữ dân tộc "*quốc âm*", "*quốc ngữ*".

**Lời cảm ơn:** Tác giả bài báo tỏ lòng cảm ơn nhà nghiên cứu Hán - Nôm Hoàng Văn Lễ những góp ý của ông trong khi thảo luận về vấn đề này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Di sản Hán - Nôm - Thư mục đề yếu. Catalogue des livres en Han - Nôm.* NXB Khoa Xã hội, Hà Nội, 1993.
2. Serruys.P.L.M. *Survey of the Chinese language reform and anti - illiteracy movement in communist China* Berkeley; University of California, 1962, tr.8
3. Новое в зарубежной лингвистике. XXII. *Языкознание в Китае.* М. 1989, стр. 330.
4. *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản dịch). NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1971.
5. Đinh Gia Khánh (chủ biên). *Lịch sử văn học Việt Nam.* NXB Khoa học Xã hội. Hà Nội, 1981.
6. *Thơ văn Lý - Trần.* Tập I, NXB Khoa học Xã hội. Hà Nội, 1977, [tr 11]
7. Nguyễn Tài Căn. *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán - Việt.* NXB Khoa học Xã hội. Hà Nội, 1979, [tr. 311]
8. Nguyễn Ngọc San. *Tiếng Việt lịch sử.* NXB Giáo dục. Hà Nội, 1993.
9. Nguyễn Thị Lâm. Cách ghi từ đồng âm trong văn bản Nôm. *Tạp chí Hán Nôm*, 2/1996.
10. Đặng Thai Mai. *Mấy điều tâm đắc Thơ văn Lý Trần.* I. NXB Khoa học Xã hội. 4/1977
11. Đỗ Quang Chính. *Lịch sử chữ quốc ngữ (1620 - 1659).* Sài Gòn, 1972.
12. Phili Phê Bình. *Sách số sang chép các việc.* Viện Đại học Đà Lạt xuất bản, 1968.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, Soc., Sci., t. XII, n°3, 1996

## **SOME PRIMARY IDEAS ON THE TERMS " QUỐC ÂM" AND "QUỐCNGỮ" BASED UPON HÁN NÔM LIBRARY DOCUMENTS**

**PHAM VAN KHOAI**

*College of Social Sciences & Humanities - VNU*

Basing on reading a few and ancient Hán Nôm texts, the terms and "*quốc âm*, "*ngữ*" derive from the Vietnamese middle centuries. The term "chữ quốc ngữ" come from "tradition" and "new-things" ("modernity") since its root is from the middle century "*quốc ngữ*".